|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH ĐỒNG NAI Số: /2022/NQ-HĐND  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đồng Nai, ngày tháng năm 2022* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/ND-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính  
phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BKHCN ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành danh mục công nghệ hỗ trợ Doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025”;

Căn cứ Thông tư số 348/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025”;

*Xét Tờ trình số …../TTr-UBND ngày….tháng …. năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số …………… của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, doanh nghiệp có đăng ký và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam, đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Đồng Nai.

b) Các tổ chức khoa học và công nghệ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Quy định này không áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có vốn đầu tư của nước ngoài.

**3. Điều kiện được hỗ trợ.**

a. Tổ chức, cá nhân có cơ sở vật chất đảm bảo và năng lực tổ chức tiếp nhận hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Hỗ trợ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết; Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số; Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.

b. Tổ chức, cá nhân phải có cam kết bố trí kinh phí đối ứng, cam kết sử dụng kinh phí đúng mục đích khi triển khai thực hiện hỗ trợ và cam kết ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu.

**Điều 2: Nguyên tắc hỗ trợ**

a. Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả.

b. Chỉ hỗ trợ đối với các nội dung chưa nhận hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

c. Một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn một chính sách hỗ trợ; trong cùng một thời điểm, nếu tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này được hưởng nhiều nội dung hỗ trợ khác nhau, thì chỉ được lựa chọn 01 (một) mức có lợi nhất.

d. Tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm.

**Điều 3. Nội dung và định mức hỗ trợ**

**1. Chính sách 1: Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

a) Mục tiêu của chính sách: Hỗ trợ cho các tổ chức khoa học và công nghệ để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp đặc thù của tỉnh Đồng Nai.

b) Nội dung hỗ trợ: Tổ chức khoa học và công nghệ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm:

- Tìm kiếm, thuê chuyên gia để phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bảo đảm ứng dụng, chuyển giao theo đặc thù của Đồng Nai;

- Nghiên cứu thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất;

Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí để thực hiện, nhưng không quá 01tỷ đồng/dự án.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn: hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**2. Chính sách 2: Hỗ trợ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết**

a) Mục tiêu của chính sách: hỗ trợ cho các doanh nghiệp để đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

b) Nội dung của chính sách: Doanh nghiệp liên kết với các tổ chức khoa học và công nghệ, các nhà khoa học để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ cho đổi mới nâng cao trình độ công nghệ, năng suất chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp.

Mức hỗ trợ: 30% vốn đầu tư cho dự án khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn: hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**3. Chính sách 3: Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số**

a) Mục tiêu của chính sách: nhân rộng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả, có quy mô phù hợp với từng địa bàn nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật mới, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi, vật tư mới phù hợp với từng vùng miền, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số để tăng thu nhập, giảm nghèo, làm giàu góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng.

b) Nội dung của chính sách: Thực hiện dự án chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thông qua các mô hình cụ thể phù hợp với từng vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số trong tỉnh.

Mức hỗ trợ: 50% tổng giá trị hợp đồng, nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn: hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**4. Chính sách 4: Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao**

a) Mục tiêu của chính sách: hỗ trợ doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới công nghệ nhằm thúc đẩy năng suất lao động, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

b) Nội dung của chính sách: hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

Mức hỗ trợ: 80% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 300 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ.

Trường hợp đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng mức hỗ trợ; trường hợp đề tài nghiên cứu khoa học không được áp dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng 50% mức hỗ trợ.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn: hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 4. Thủ tục đề nghị hỗ trợ**

Thành phần và số lượng hồ sơ đề nghị hỗ trợ quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thực hiện theo hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

**Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách cấp tỉnh được cân đối trong dự toán ngân sách hàng năm.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa . Kỳ họp thứ thông qua.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ; - Văn phòng Quốc hội, Chính phủ; - Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;  - Ban công tác đại biểu - UBTVQH; - Cục Kiểm tra Văn bản, Bộ Tư pháp; - Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; - Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; - TT HĐND, UBND các huyện, thành phố; - Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;  - Lưu VT. | **CHỦ TỊCH** |